

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 31/5/2021
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Nga.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Lâm;
2. Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.

- T1 ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Vân - T1 ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 77/2021/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2021/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Vo Thi Nguyen T, sinh năm 1980; địa chỉ: Số A, Tổ 3, Khu phố 2, phường Đ, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có đơn xin vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Tran Thanh Th, sinh năm 1976; địa chỉ: Số A, Tổ 3, Khu phố 2, phường Đ, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 13/01/2021 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Vo Thi Nguyen T trình bày:

Bà Vo Thi Nguyen T và ông Tran Thanh Th kết hôn năm 2000, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Sau khi kết hôn, bà T và ông Th sống hạnh phúc được một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, từ khi bà T sinh con gái đầu tới nay mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn do ông Th không lo cho gia đình, không có trách nhiệm với vợ con. Ông Th nhiều lần hứa sửa chữa, lo cho vợ con nhưng không thay đổi, vợ chồng T1lòng xuyên cãi nhau, đánh

nhau. Hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không có hạnh phúc nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông Tran Thanh Th.

Về con chung: Bà T và ông Th có 02 con chung tên Tran Anh T1, sinh ngày 09/11/2000 và Tran T V, sinh ngày 01/07/2008. Bà T yêu cầu được nuôi dưỡng cháu V, không yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con chung. Cháu T1 đã đủ 18 tuổi và có việc làm ổn định nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là ông Tran Thanh Th trình bày: Ông Tran Thanh Th không còn tình cảm với bà Vo Thi Nguyen T nên ông đồng ý ly hôn. Về con chung ông Th đồng ý giao cháu Tran T V cho bà T nuôi dưỡng và ông cấp dưỡng cho cháu V mỗi tháng 4.000.000đ (bốn triệu đồng). Cháu Tran Anh T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn bà Vo Thi Nguyen T và bị đơn ông Tran Thanh Th có đơn xin giải quyết vắng mặt.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

+ Về tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, T1 ký đã tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật, nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định pháp luật, bị đơn ông Tran Thanh Th không thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ thẩm quyền theo quy định đối với những người tiến hành tố tụng. Do nguyên đơn bà Vo Thi Nguyen T và bị đơn ông Tran Thanh Th có đơn xin giải quyết vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng là đúng theo quy định tại Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục gì thêm.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ pháp luật:* Ngày 13/01/2021, bà Vo Thi Nguyen T có đơn khởi kiện về việc xin ly hôn, tranh chấp nuôi con với ông Tran Thanh Th nên đây là vụ án “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo quy định tại Điều 51, Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[1.2]. *Về thẩm quyền:* Bị đơn ông Tran Thanh Th sinh sống tại phường Đ, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

[1.3] *Về việc tham gia phiên tòa của đương sự:* Nguyên đơn bà Vo Thi Nguyen T và bị đơn ông Tran Thanh Th có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào Khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tiến hành xét xử vụ án vắng mặt tất cả các đương sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Vo Thi Nguyen T và ông Tran Thanh Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào năm 2000 tại UBND phường Đ, thành phố T, tỉnh Bình Dương, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 46, ngày 09/8/2000 nên quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông Th là hợp pháp theo quy định tại Điều 6 và Điều 7 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1986.

Bà T trình bày, bà và ông Th sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, ông Th không lo cho vợ con, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã và đánh nhau. Bà T xác định không còn tình cảm và yêu cầu được ly hôn với ông Th. Ông Th cũng xác định vợ chồng không còn tình cảm với nhau và đồng ý ly hôn.

Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định, hôn nhân giữa bà T và ông Th đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T về việc xin ly hôn với ông Th.

[2.2] Về con chung: Bà T trình bày trong quá trình chung sống, bà và ông Th có 02 con chung là cháu Tran Anh T1, sinh ngày 09/11/2000 và Tran T V, sinh ngày 01/07/2008. Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu V. Xét thấy, cháu V là con gái và có nguyện vọng sống cùng với mẹ. Do đó để đảm bảo sự phát triển về tâm sinh lý của cháu V, việc giao cháu cho bà T nuôi dưỡng là phù hợp.

Cháu Tran Anh T1 đã đủ 18 tuổi, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà T không yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Tran T V. Tuy nhiên, ông Tran Thanh Th đồng ý cấp dưỡng cho cháu V mỗi tháng 4.000.000đ (bốn triệu đồng), đây là sự tự nguyện của ông Th nên chấp nhận.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Xét thấy, quan điểm giải quyết vụ án của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[4] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban T1ờng vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bà Vo Thi Nguyen T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng); ông Tran Thanh Th phải nộp án phí cấp dưỡng là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235, Khoản 1 Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 55, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 84, 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban T10ng vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vo Thi Nguyen T đối với ông Tran Thanh Th về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Vo Thi Nguyen T được ly hôn với ông Tran Thanh Th.

- Về con chung: Bà Vo Thi Nguyen T được trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục con chung là cháu Trần T Vy, sinh ngày 01/07/2008. Đối với cháu Tran Anh T1 đã đủ 18 tuổi, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Tran Thanh Th cấp dưỡng cho cháu Tran T V mỗi tháng 4.000.000đ (bốn triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 31/5/2021 đến khi cháu V đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì còn phải trả tiền lãi, theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai có quyền cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng quyền thăm nom con để gây khó khăn, cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con của người trực tiếp nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi dưỡng con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chung đối với người không trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Vì quyền và lợi ích hợp pháp của con chung là cháu Tran T V Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi có yêu cầu.

- Về tài sản chung và nợ chung: các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm:

2.1. Bà Vo Thi Nguyen T phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0051136 ngày 25/01/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

2.2. Ông Tran Thanh Th phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

4. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. Thủ Dầu Một;
- CCTHADS Tp. Thủ Dầu Một;
- UBND phường Đ;
- Đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Nga

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Lâm

Nguyễn Thị Hồng Thanh

Vũ Thị Nga